CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Ngày 30/06/2025	7,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.3%	**1.3%**	**-3.7%**

DT thuần
Q2/25
73.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼83.1| -52.9%
YoY: ▲ 15.9| 27.5%

LN thuần
Q2/25
-15.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -971%
YoY: ▲ 2.60| 14.4%

LN sau thuế
Q2/25
-15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼14.1| -841%
YoY: ▲ 0.10| 0.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-14.7%
YoY: +/-▼ 19.7%

ROE (TTM)
Q2/25
3.3%
YoY: +/-▲ 0.5%

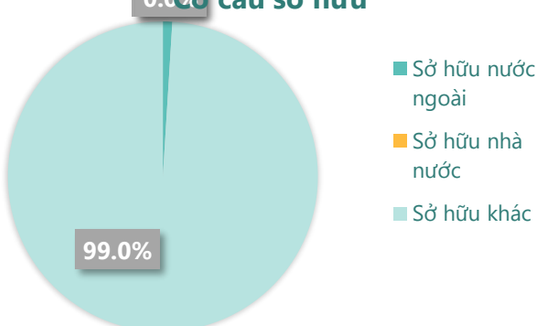
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 10,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	110
Số lượng CPLH (CP)	13,916,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	30,235
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.78
EPS	313
P/E	25.2

DT thuần
6T 2025
231
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0| 5.0%

LN thuần
6T 2025
-13.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.80| 30.3%

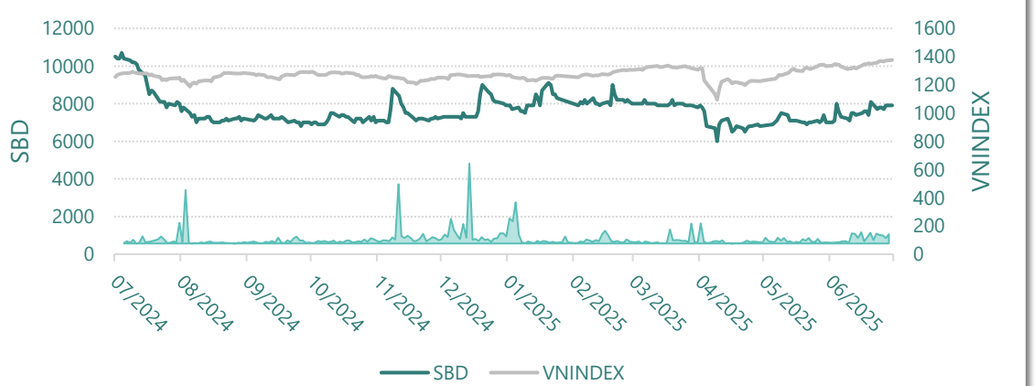
LN sau thuế
6T 2025
-17.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80| 9.3%

Cơ cấu sở hữu

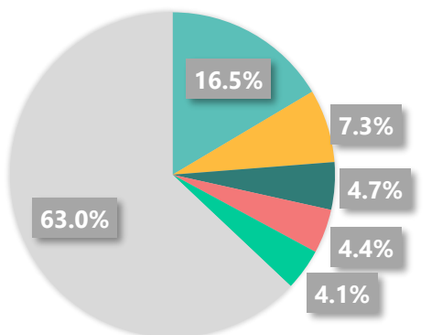


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

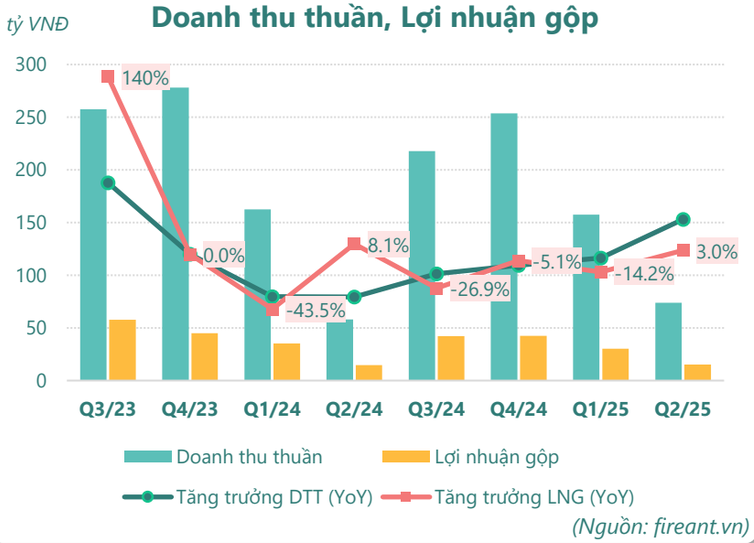


- Nguyễn Đức Quang (Chủ tịch HĐQT)
- Mai Thị Thúy Mai (Trưởng ban kiểm soát)
- Nguyễn Việt Thắng (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Đỗ Văn Hào (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Lê Hồng Phong
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

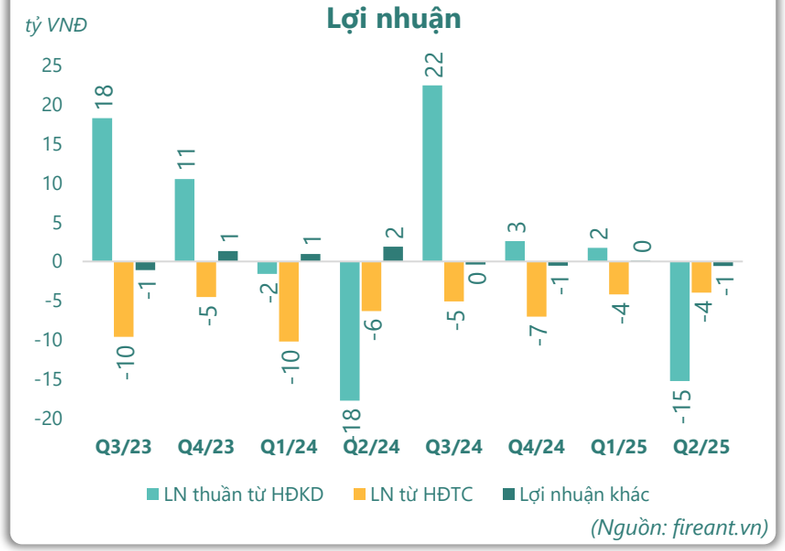
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



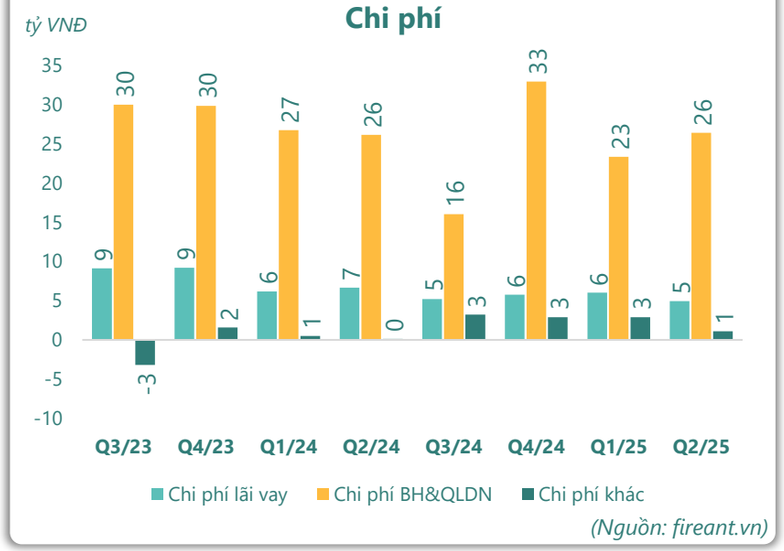
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



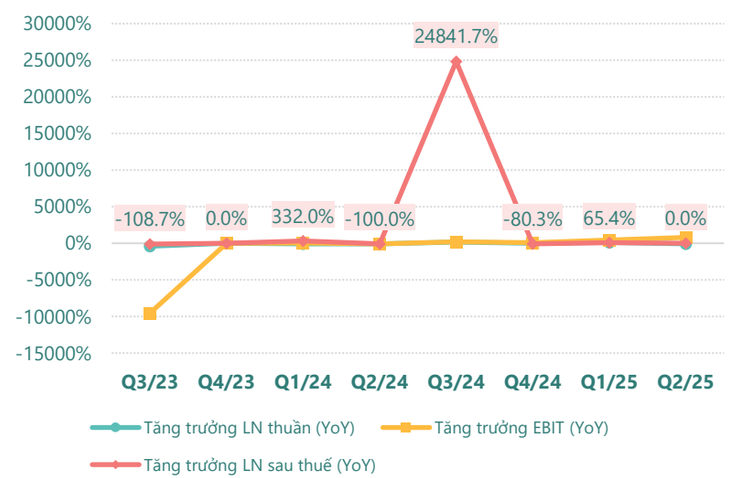
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



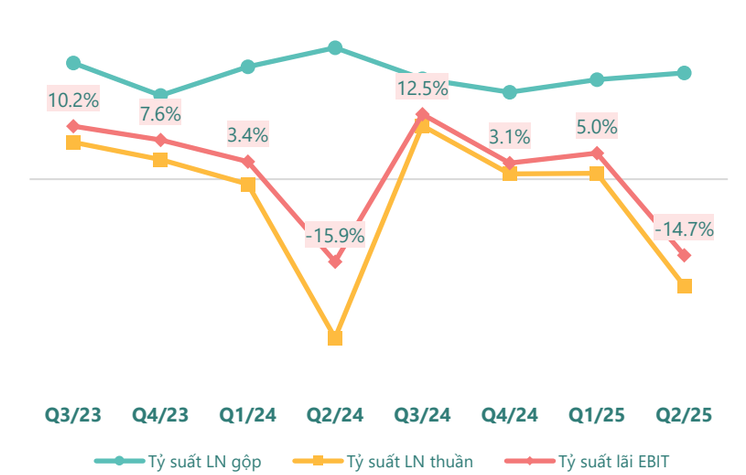
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



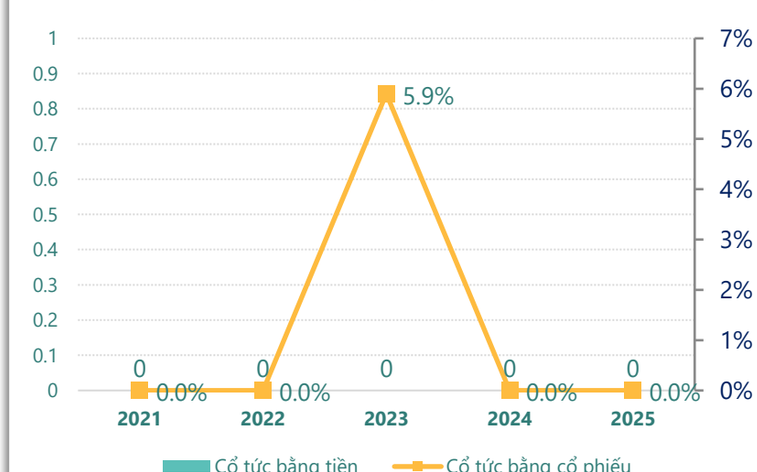
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

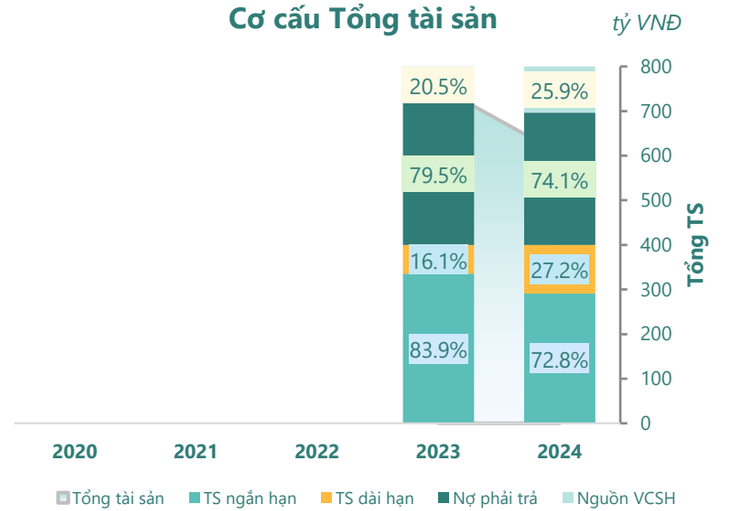
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

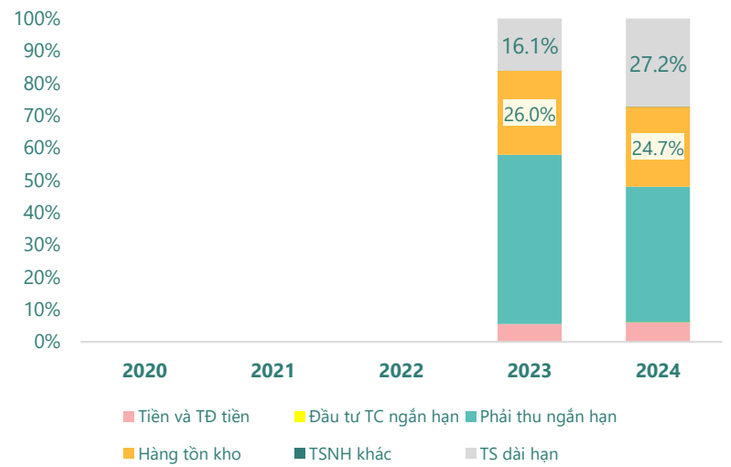
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



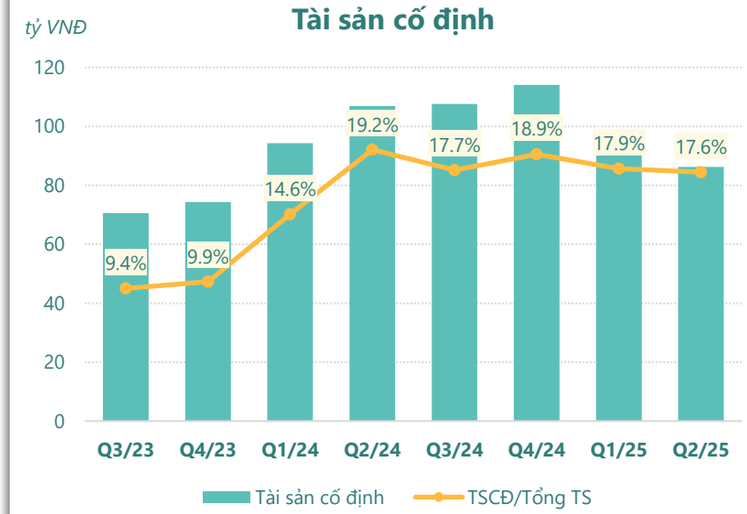
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



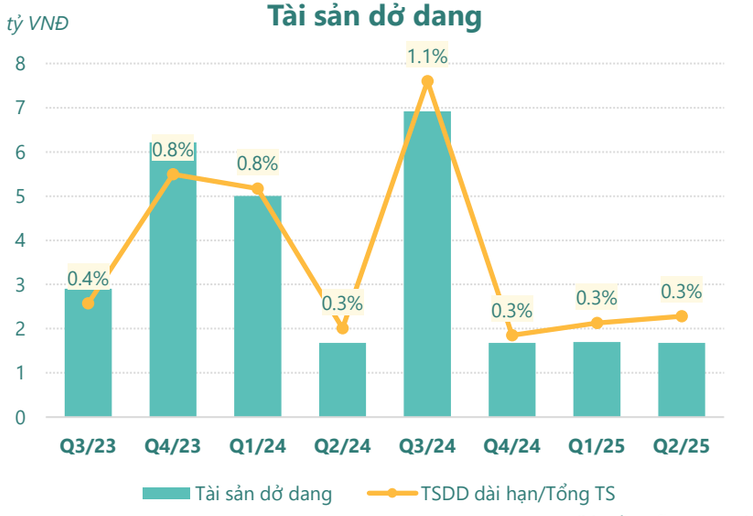
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



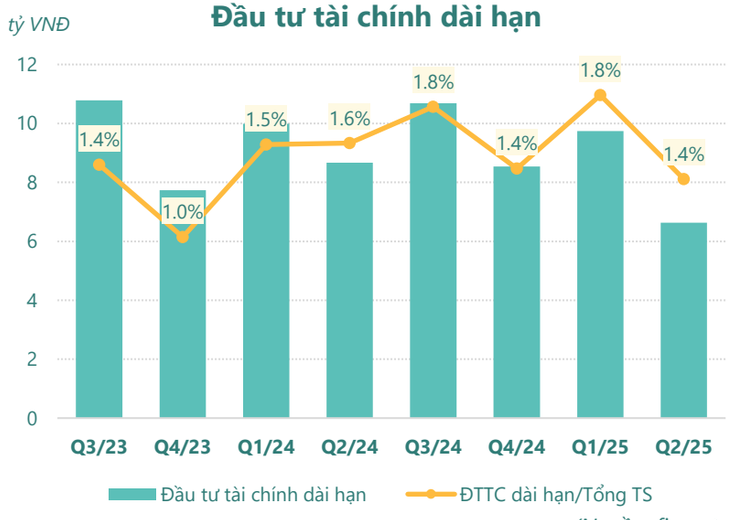
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



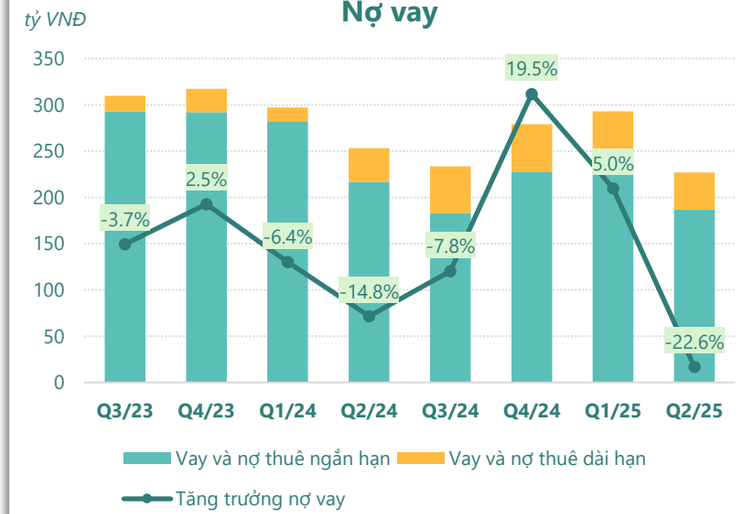
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

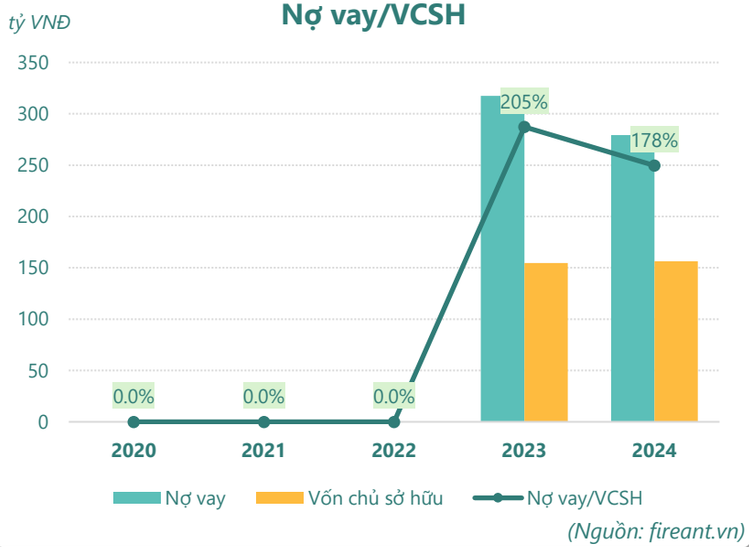
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

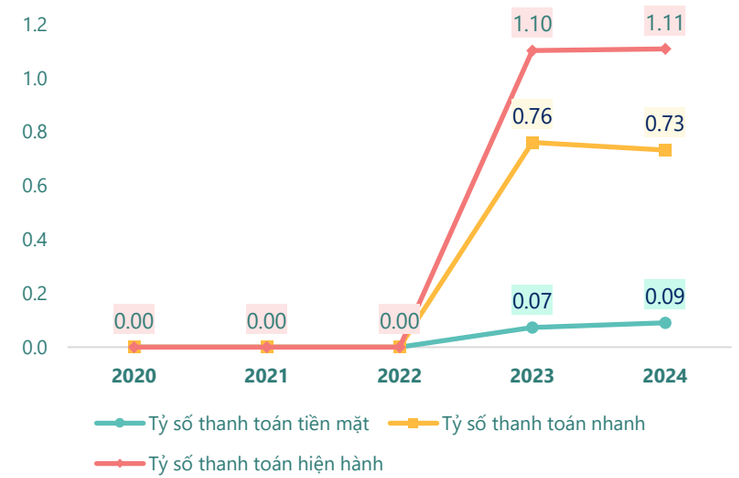
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



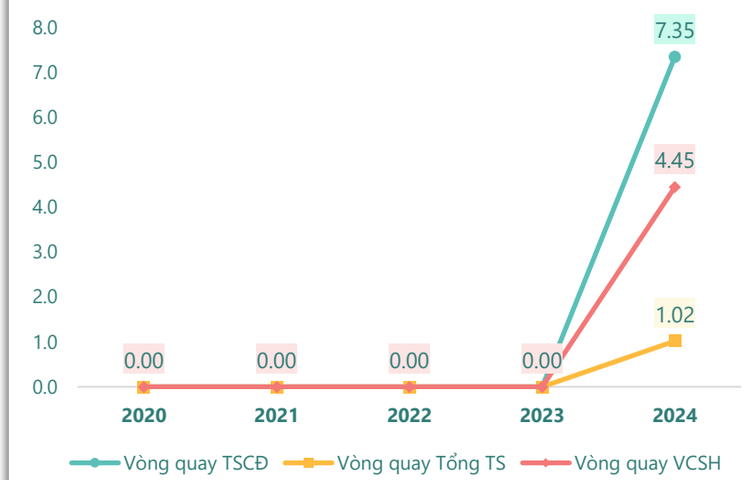
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



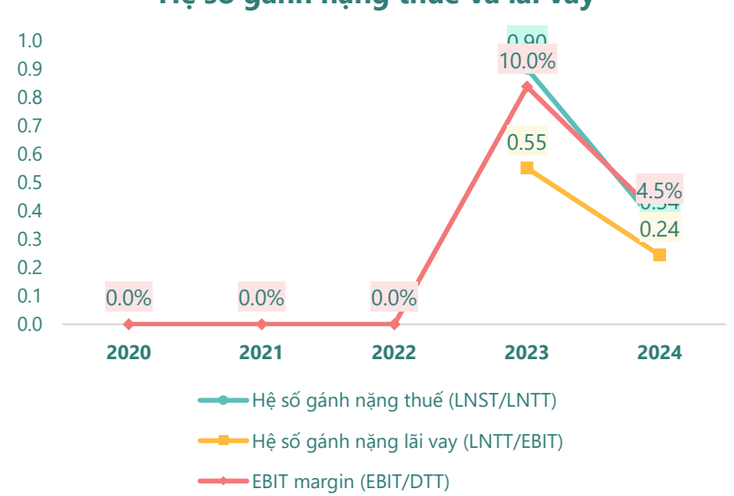
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



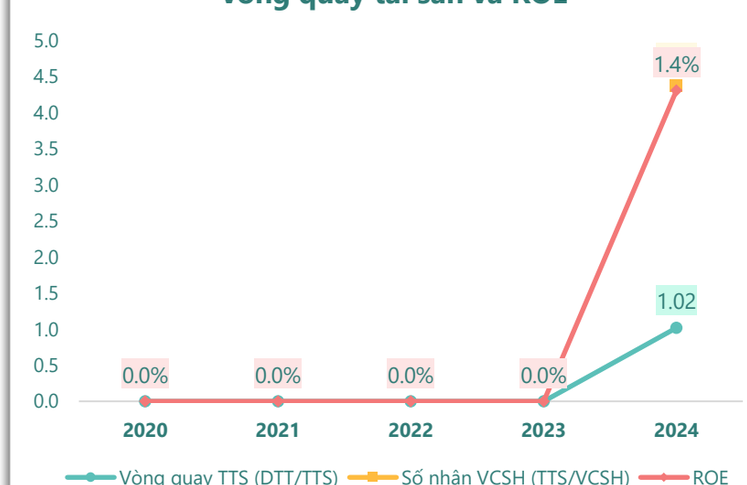
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



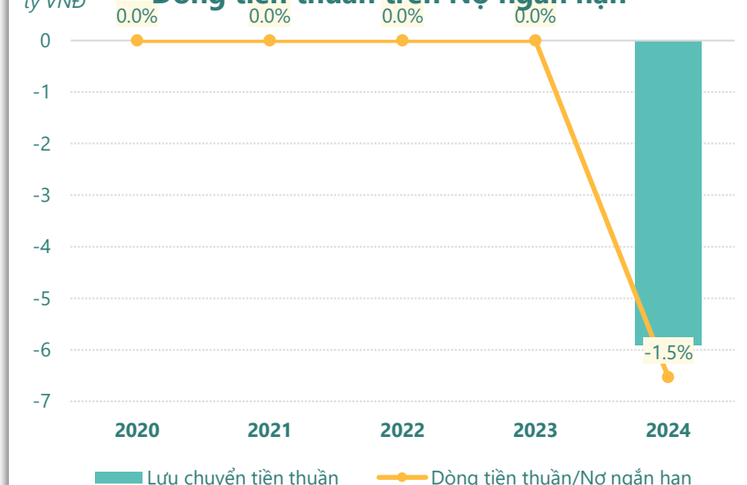
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**73.9**	**58.0**	**27.5%**	**231**	**220**	**5.0%**
Giá vốn hàng bán	58.8	43.3	35.8%	186	170	9.1%
Lợi nhuận gộp	15.2	14.7	3.1%	45.4	50.0	-9.1%
Doanh thu HĐTC	0.93	0.98	-5.1%	6.25	2.48	152%
Chi phí TC	4.92	7.31	-32.7%	14.4	19.0	-24.1%
Chi phí lãi vay	4.96	6.64	-25.3%	11.0	12.8	-14.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-0.95**	**0.13**	**-847%**
Chi phí bán hàng	12.0	12.4	-3.6%	25.2	25.6	-1.4%
Chi phí QLDN	**14.4**	**13.8**	**4.7%**	**24.6**	**27.3**	**-10.1%**
LN thuần từ HĐKD	-15.2	-17.8	14.4%	-13.5	-19.3	30.3%
Lợi nhuận khác	**-0.57**	**1.87**	**-131%**	**-0.46**	**2.82**	**-116%**
LN trước thuế	-15.8	-15.9	0.6%	-13.9	-16.5	15.6%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.8**	**-15.9**	**0.6%**	**-17.5**	**-19.3**	**9.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-15.8**	**-16.0**	**1.5%**	**-17.2**	**-19.4**	**11.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	52.7	51.9	32.4	-52.2	-19.0	63.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-47.3	8.89	1.89	4.23	-3.89	1.60
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.2	-55.1	-34.3	53.2	-5.66	-62.3
Tiền đầu kỳ	42.0	25.0	30.7	30.7	35.9	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-16.9**	**5.72**	**-0.06**	**5.28**	**-28.6**	**3.14**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.10	0	0	0	-0.17	0
Tiền cuối kỳ	25.0	30.7	30.7	35.9	14.9	14.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**490**	**604**	**-18.9%**
Tài sản ngắn hạn	358	440	-18.7%
Tiền và tương đương tiền	14.4	35.9	-60.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải thu ngắn hạn	176	254	-30.6%
Hàng tồn kho	166	149	11.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.52	0.46	228%
Tài sản dài hạn	**132**	**165**	**-19.5%**
Phải thu dài hạn	28.8	30.4	-5.3%
Tài sản cố định	86.3	114	-24.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.68	1.68	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.63	8.54	-22.3%
Tài sản dài hạn khác	**9.09**	**9.82**	**-7.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	352	448	-21.4%
Nợ ngắn hạn	**310**	**397**	**-21.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	187	228	-18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.1	79.5	-62.2%
Nợ dài hạn	41.9	51.3	-18.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.2	51.2	-21.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**138**	**156**	**-11.6%**
Vốn chủ sở hữu	**138**	**156**	**-11.6%**
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)